

Số: 130 /QĐ-TT

Đồng Nai, ngày 24 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt E-HSMT và tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Gói thầu: Chính lý tài liệu lưu trữ còn tồn đọng từ năm 2015 trở về trước tại Thanh Tra tỉnh.

CHÁNH THANH TRA TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH 13 ngày 26/11/2013 của Quốc Hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 01/7/2014;

Căn cứ Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 333/QĐ-STC ngày 07/07/2021 của Sở Tài chính về việc phê duyệt Danh mục chính lý tài liệu tồn đọng từ năm 2015 trở về trước tại Thanh tra tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 499/QĐ-STC ngày 13/10/2021 của Sở tài Chính về việc duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Chính lý tài liệu lưu trữ còn tồn đọng từ năm 2015 trở về trước tại Thanh Tra tỉnh;

Căn cứ E-HSMT do Trung tâm Khuyến công và Tư vấn Phát triển Công nghiệp tỉnh Đồng Nai lập.

Căn cứ Tờ trình số 18/TTr-KC&TV ngày 17/08/2022 của Trung tâm Khuyến công và Tư vấn Phát triển Công nghiệp tỉnh Đồng Nai V/v đề nghị duyệt E-HSMT và tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT, Gói thầu: Chính lý tài liệu lưu trữ còn tồn đọng từ năm 2015 trở về trước tại Thanh Tra tỉnh;

Căn cứ báo cáo kết quả thẩm định E-HSMT gói thầu Chính lý tài liệu lưu trữ còn tồn đọng từ năm 2015 trở về trước tại Thanh Tra tỉnh của Công ty TNHH Tâm Pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt E-HSMT và tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT Gói thầu: Chính lý tài liệu lưu trữ còn tồn đọng từ năm 2015 trở về trước tại Thanh Tra tỉnh, với các nội dung:

Tên gói thầu: Chính lý tài liệu lưu trữ còn tồn đọng từ năm 2015 trở về trước tại Thanh Tra tỉnh;

Chủ đầu tư: Thanh tra tỉnh Đồng Nai.

Nguồn vốn: Kinh phí không thường xuyên của Thanh tra tỉnh năm 2022.

Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh thông thường, thực hiện qua mạng, lựa chọn nhà thầu trong nước.

Phương thức đấu thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.

Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

Thời gian thực hiện hợp đồng: 60 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng

1. Hồ sơ mời thầu gồm:

+ Phần 1. Thủ tục đấu thầu.

- Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu.
- Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu.
- Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu.
- Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu.
- + Phần 2. Yêu cầu về kỹ thuật.
- Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật.
- + Phần thứ 3. Điều kiện hợp đồng và biểu mẫu hợp đồng.
- Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng.
- Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng.
- Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng.

2. Về tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT:

Tiêu chuẩn đánh giá HSDT được quy định tại Chương III của E-HSMT, gồm các bước sau:

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Có bảo đảm dự thầu không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 18.3 E-CDNT. Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có) với giá trị bảo lãnh, thời hạn có hiệu lực và đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của E-HSMT. Thư bảo lãnh không được ký trước khi Bên mời thầu phát hành E-HSMT; không được kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A hoặc Mẫu số 04B Chương IV). Trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà nhà thầu kê khai trên Hệ thống và thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh dự thầu để đánh giá (đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 10 triệu đồng theo quy định tại Mục 18.2 E-CDNT thì không đánh giá nội dung này).

2. Trường hợp nhà thầu liên danh thì thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu quy định tại Mẫu số 11 Chương IV; không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.

3. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT.

Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm¹

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo Bảng số 01 Chương III của E-HSMT và được số hóa dưới dạng webform trên Hệ thống, nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu

¹ Đối với gói thầu áp dụng chào hàng cạnh tranh, không yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định của Mục này nhưng nhà thầu tham dự thầu phải cam kết có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu (nội dung về cam kết được thực hiện cùng với đơn dự thầu khi nhà thầu nộp E-HSDT).

chuẩn đánh giá. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu chính. Bản thân nhà thầu chính phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Không đưa ra yêu cầu nhà thầu đã từng thực hiện một hoặc nhiều hợp đồng với Chủ đầu tư trên một địa bàn cụ thể hoặc nhà thầu phải có kinh nghiệm cung cấp dịch vụ trên một địa bàn cụ thể như là tiêu chí để loại bỏ nhà thầu.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VND thì khi lập E-HSDT, nhà thầu phải quy đổi về VND nêu tại E-HSMT để làm cơ sở đánh giá E-HSDT. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi của ngân hàng Vietcombank tại ngày ký hợp đồng.

Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) có huy động công ty con thực hiện một phần công việc của gói thầu thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con theo Mẫu số 09B Chương IV. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con đảm nhiệm trong gói thầu.

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt và thiết bị chủ yếu:

a) Yêu cầu về nhân sự chủ chốt:

Không yêu cầu về nhân sự chủ chốt đối với gói thầu dịch vụ phi tư vấn không đòi hỏi nhân sự có chuyên môn cao, trừ trường hợp cần lao động có trình độ cao, lao động lành nghề thực hiện công việc đặc thù. Trường hợp dịch vụ phi tư vấn có yếu tố đặc thù, phức tạp cần thiết phải có nhân sự có trình độ cao, lao động lành nghề, nhiều kinh nghiệm đảm nhận thì có thể đưa ra yêu cầu về huy động nhân sự chủ chốt để thực hiện các công việc đặc thù, phức tạp này. Ngoài ra, không yêu cầu nhân sự chủ chốt là lao động phổ thông đối với gói thầu dịch vụ phi tư vấn.

Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về nhân sự chủ chốt thì nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động các nhân sự chủ chốt đáp ứng yêu cầu E-HSMT. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT, Bên mời thầu cho phép nhà thầu làm rõ, thay đổi, bổ sung nhân sự chủ chốt để đáp ứng yêu cầu của E-HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Đối với mỗi nhân sự không đáp ứng, nhà thầu chỉ được thay thế một lần. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại.

Yêu cầu về nhân sự chủ chốt được số hóa dưới dạng Webform trên Hệ thống. Kinh nghiệm trong các công việc tương tự được thể hiện ở số năm tối thiểu nhân sự thực hiện các công việc tương tự hoặc số hợp đồng tối thiểu trong các công việc tương tự. Số năm kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt được tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất theo các Mẫu số 06A, 06B và 06C Chương IV.

b) Thiết bị chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu:

Căn cứ vào quy mô, tính chất của gói thầu, Chủ đầu tư, Bên mời thầu đưa ra yêu cầu về thiết bị chủ yếu dự kiến huy động và số lượng để thực hiện gói thầu cho phù hợp. Chỉ quy định về thiết bị chủ yếu đối với các thiết bị đặc chủng, đặc thù bắt buộc phải có để triển khai thực hiện gói thầu. Thiết bị chủ yếu có thể của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp thiết bị mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT, bên mời thầu cho phép nhà thầu làm rõ, thay đổi, bổ sung thiết bị để đáp ứng yêu cầu của E-HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Đối với mỗi thiết bị không đáp ứng, nhà thầu chỉ được thay thế một lần. Trường hợp nhà thầu không có thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Yêu cầu về thiết bị chủ yếu được số hóa dưới dạng Webform trên Hệ thống. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các Thiết bị thi công chủ yếu được đề xuất theo Mẫu số 06D Chương IV

c) Trường hợp nhà thầu trúng thầu và ký kết hợp đồng, nhà thầu có nghĩa vụ huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu như đã đề xuất ban đầu hoặc đề xuất thay đổi theo quy định tại Mục này. Trường hợp không huy động được nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu, nhà thầu bị phạt hợp đồng, bị đánh giá về uy tín khi tham gia các gói thầu khác. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự, thiết bị khác; E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là vi phạm hành vi gian lận quy định tại khoản 4 Điều 89 Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 122 Nghị định 63.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt để đánh giá về kỹ thuật. Việc đánh giá về kỹ thuật dựa trên yêu cầu về các sản phẩm đầu ra được nêu tại Chương V.

- Có đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ phù hợp, đáp ứng yêu cầu của Chương V - Yêu cầu về kỹ thuật - E-HSMT.

- Có đầy đủ cam kết và hàng hóa phải đáp ứng các yêu cầu tại Mục 3, Chương V - Yêu cầu về kỹ thuật - E-HSMT.

Các tiêu chí đánh giá đối với tiêu chuẩn, chất lượng dịch vụ bao gồm:

Stt	Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
1	Giải pháp và phương pháp luận		
1.1	Hiểu rõ mục đích nội dung công việc	Nhà thầu hiểu rõ về nội dung công việc triển khai và trình bày chi tiết từng vấn đề liên quan đến công việc thực hiện.	Đạt
		Nhà thầu không trình bày hiểu biết về nội dung công việc triển khai hoặc trình bày nhưng sơ sài hoặc thiếu nội dung cơ bản các vấn đề liên quan đến công việc thực hiện	Không đạt
1.2	Kế hoạch triển khai và tiến độ công việc	Kế hoạch triển khai chi tiết, rõ ràng, đầy đủ, hợp lý và xây dựng tiến độ phù hợp thời	Đạt

		gian thực hiện gói thầu. Nhà thầu không có kế hoạch triển khai chi tiết, rõ ràng, đầy đủ, hợp lý và xây dựng tiến độ phù hợp thời gian thực hiện gói thầu.	Không đạt
2	Yêu cầu về dịch vụ chính lý		
2.1	Quy trình chính lý tài liệu lưu trữ	Trình bày rõ ràng, đầy đủ, chính xác theo đúng qui định hiện hành của Nhà nước về chính lý tài liệu lưu trữ.	Đạt
		Trình bày không rõ ràng, không đúng hoặc không đầy đủ, trình bày sai khác quá nhiều so với qui định hiện hành của Nhà nước.	Không đạt
2.2	Cam kết bảo mật thông tin trong quá trình chính lý	Nhà thầu phải có cam kết bảo mật thông tin trong quá trình chính lý tài liệu lưu trữ.	Đạt
		Không đáp ứng yêu cầu	Không đạt
3	Yêu cầu về vật tư văn phòng		
3.1	Văn phòng phẩm phục vụ chính lý tài liệu lưu trữ	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về văn phòng phẩm nêu tại điểm chương V – Yêu cầu kỹ thuật.	Đạt
		Không đáp ứng	Không đạt
4	Biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ hiệu quả		
4.1	Bố trí nhân lực, phân công nhiệm vụ từng vị trí nhân sự	Cụ thể, rõ ràng, khả thi, phù hợp với từng nhiệm vụ công việc.	Đạt
		Không cụ thể, không rõ ràng, không khả thi	Không đạt
4.2	Biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường, phòng cháy chữa cháy trong quá trình thực hiện công việc	Cụ thể, rõ ràng, khả thi, đáp ứng yêu cầu của gói thầu và phù hợp với các qui định hiện hành của Nhà nước	Đạt
		Không cụ thể, không rõ ràng, không khả thi, không đáp ứng yêu cầu.	Không đạt
4.3	Thiết bị sử dụng cho gói thầu	Nhà thầu đề xuất thiết bị tối thiểu đáp ứng Bảng số 03: Yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu (Webform trên Hệ thống)	Đạt
		Không đáp ứng	Không đạt
5	Tiến độ thực hiện chính lý		
5.1	Cam kết thời gian thực hiện gói thầu đáp ứng tiến độ	Có cam kết tổ chức và hoàn thành công tác chính lý hồ sơ ≤ 60 ngày.	Đạt
		Không có cam kết tổ chức và hoàn thành công tác chính lý hồ sơ hoặc có cam kết nhưng > 60 ngày.	Không đạt
5.2	Biểu tiến độ thực hiện chính lý phù hợp với từng mốc thời gian	Phù hợp với thời gian đưa ra để thực hiện các nhiệm vụ công việc, đảm bảo thuận lợi cho các đơn vị liên quan phối hợp thực hiện.	Đạt
		Không có hoặc có nhưng không logic, không phù hợp.	Không đạt
6	Điều kiện bảo hành		
6.1	Có cam kết thời gian bảo hành ≥ 12 tháng	Đáp ứng	Đạt
		Không đáp ứng	Không đạt

	sau khi nghiệm thu bàn giao dịch vụ.		
	Kết luận	Đáp ứng tất cả các tiêu chí	Đạt
		Không đáp ứng một trong các tiêu chí	Không đạt

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về giá

Phương pháp giá thấp nhất: Xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

3. Điều kiện đối với nhà thầu được đề nghị trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Có E-HSDT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT

- Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

- Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

- Nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

- Có giá đề nghị trúng thầu đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) không vượt giá gói thầu được phê duyệt. Trường hợp dự toán của gói thầu được phê duyệt thấp hơn hoặc cao hơn giá gói thầu được phê duyệt thì dự toán này sẽ thay thế giá gói thầu để làm cơ sở xét duyệt trúng thầu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Thanh tra tỉnh, Trung tâm Khuyến công và Tư vấn Phát triển công nghiệp tỉnh Đồng Nai và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BLĐ Thanh tra tỉnh;
- Tổ Giúp việc t/h CLTL;
- Đăng Trang TTĐT;
- Lưu: VT, VP (KT, HCQT)

**KT CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**

Nguyễn Xuân Hà